

Thanh Thủy, ngày 24 tháng 3 năm 2023

Số: 27 /2023/ QĐST - HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án thụ lý số: 22/2023/TLST – HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh M - Sinh năm 1990

Địa chỉ: Khu 8, xã X, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B - sinh năm 1985

Địa chỉ: Khu 8, xã X, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83 – Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 3 năm 2023.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 3 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Nguyễn Thị Thanh M và anh Nguyễn Văn B.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thanh M và anh Nguyễn Văn B xác nhận vợ chồng có bốn con chung là các cháu Nguyễn Thị Hồng H – Sinh ngày 31/7/2009, Nguyễn Phương L – Sinh ngày 04/10/2010, Nguyễn Phương T – Sinh ngày 12/11/2017 và Nguyễn Duy K – Sinh ngày 07/01/2020. Ly hôn hai bên tự

nguyện thỏa thuận: Giao cho chị Nguyễn Thị Thanh M được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả 04 con chung là các cháu Nguyễn Thị Hồng H – Sinh ngày 31/7/2009, Nguyễn Phương L – Sinh ngày 04/10/2010, Nguyễn Phương T – Sinh ngày 12/11/2017 và Nguyễn Duy K – Sinh ngày 07/01/2020 kể từ tháng 03 năm 2023 đến khi các con chung thành niên. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị M tự nguyện không yêu cầu. Sau khi ly hôn, anh B vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay, công sức: Chị Nguyễn Thị Thanh M và anh Nguyễn Văn B đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh M tự nguyện nhận nộp toàn bộ 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị M đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2020/0006169 ngày 23/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy. Hoàn trả lại cho chị M 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) số tiền chênh lệch tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 – Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 – Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 – Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện;
- Chi cục THADS huyện
- UBND xã X
- Lưu HSVA.

Thẩm phán

Đã ký

Lương Viết Tú